

GIÁO TRÌNH
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM
DAY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

PHÁT TRIỂN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH

**BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM
DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO

TÁC GIẢ: NGUYỄN VĂN TUẤN

**LƯU HÀNH NỘI BỘ
NĂM 2022**

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dẫn dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo. Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI GIỚI THIỆU

Phát triển chương trình đào tạo nghề là một kỹ năng cần thiết cho giảng viên, huấn luyện viên đào tạo nghề. Tài liệu mô đun Phát triển chương trình được biên soạn theo Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp theo Thông tư số 06/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu được biên soạn nhằm cung cấp các kiến thức và kỹ năng liên quan đến các hoạt động phát triển chương trình đào tạo nghề. Trên cơ sở đó giảng viên, huấn luyện viên tham khảo biên soạn bài giảng, đồng thời làm tài liệu học tập cho học viên. Ngoài ra tài liệu này có thể dùng cho huấn luyện viên nội bộ tham khảo để phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề tại doanh nghiệp hoặc liên kết đào tạo.

Tài liệu được sắp xếp theo kết cấu của chương trình mô đun “Phát triển chương trình đào tạo”, gồm 5 bài:

- Bài 1: Phương pháp và quy trình phát triển chương trình đào tạo.
- Bài 2: Phân tích nhu cầu của thế giới nghề nghiệp và xây dựng hồ sơ nghề nghiệp
- Bài 3. Năng lực, mô hình năng lực trong thiết kế chương trình đào tạo theo năng lực
- Bài 4: Thiết kế chương trình đào tạo
- Bài 5: Thiết kế chương trình mô-đun, môn học
- Bài 6: Đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo

Tài liệu này được hoàn thành là kết quả của việc nghiên cứu, tập hợp rất nhiều tư liệu khác nhau. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng chắc không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp của bạn đọc.

Trân trọng !

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
	BÀI 1. PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
1		1
2	1. Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo	1
3	2. Các tiếp cận trong phát triển chương trình đào tạo	6
4	3. Xu hướng, đặc điểm chung của chương trình đào tạo hiện đại	10
5	4. Quy trình và phương pháp phát triển chương trình đào tạo nghề	15
6	5. Quản lý nhà nước về chương trình đào tạo	24
7	6. Thảo luận	25
	BÀI 2. PHÂN TÍCH NHU CẦU CỦA THẾ GIỚI NGHỀ NGHIỆP VÀ XÂY DỰNG HỒ SƠ NGHỀ NGHIỆP	
8		26
9	1. Phân tích nhu cầu của thế giới nghề nghiệp	26
10	2. Xây dựng hồ sơ nghề nghiệp	33
11	3. Thực hành	35
	BÀI 3. NĂNG LỰC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO NĂNG LỰC	
12		36
13	1. Một số khái niệm	36
14	2. Mô hình năng lực trong phát triển chương trình đào tạo	38
15	3. Đào tạo theo năng lực	39
16	4. Thiết kế chương trình đào tạo theo năng lực	48
17	5. Áp dụng triển khai đào tạo theo năng lực và thiết kế chương trình đào tạo nghề theo năng lực ở Việt Nam	49
18	6. Thực hành	52
	BÀI 4. THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
19		53
20	1. Các nội dung thiết kế chương trình đào tạo	53
21	2. Thiết kế mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	55
22	3. Thiết kế cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo	61
23	4. Thực hành	63
	BÀI 5. THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN, MÔN HỌC	
24		64
25	1. Thiết kế chương trình môn học	64

26	2. Mô đun và thiết kế chương trình mô đun	66
27	3. Thực hành	71
28	BÀI 6. ĐÁNH GIÁ, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	72
29	1. Đánh giá chương trình đào tạo	72
30	2. Các phương pháp đánh giá chương trình đào tạo	75
31	3. Tiêu chuẩn 3 - Thời lượng của chương trình	76
32	4. Tiêu chuẩn 4 - Các điều kiện thực hiện chương trình	76
33	5. Cải tiến chất lượng chương trình đào tạo	77
34	6. Thực hành	77
35	TÀI LIỆU THAM KHẢO	78

Tailieu.vn

BÀI 1

PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. MỤC TIÊU

Hoàn thành bài học này, người học có khả năng:

- Kiến thức: Giải thích được bản chất chương trình đào tạo và các kiểu chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp.
- Kỹ năng: Xác định được phương pháp phát triển chương trình đào tạo; phân tích được nội dung các bước của quy trình phát triển chương trình đào tạo.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Chủ động xác định và lựa chọn đúng phương pháp, quy trình phát triển chương trình đào tạo nghề theo yêu cầu được giao.

B. NỘI DUNG

1. Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo

1.1. Khái niệm cơ bản

1.1.1. Chương trình đào tạo

Chương trình giáo dục/đào tạo được xem xét ở đây tương đương với thuật ngữ curriculum trong tiếng Anh (sau đây sẽ gọi là chương trình đào tạo CTĐT). Có rất nhiều quan niệm khác nhau về CTĐT ở nước ta và ngay cả trong các văn bản tiếng Anh.

Theo từ điển Giáo dục học- NXB Từ điển bách khoa 2001 khái niệm chương trình đào tạo được hiểu là : «Văn bản chính thức quy định mục đích, mục tiêu, yêu cầu, nội dung kiến thức và kỹ năng, cấu trúc tổng thể các bộ môn , kế hoạch lên lớp và thực tập theo từng năm học, tỷ lệ giữa các bộ môn, giữa lý thuyết và thực hành, quy định phương thức, phương pháp, phương tiện, cơ sở vật chất, chứng chỉ và văn bằng tốt nghiệp của cơ sở giáo dục và đào tạo «.

(Wentling, 1993) cho rằng: “chương trình đào tạo là một bảng thiết kế tổng thể cho một hoạt động đào tạo (đó có thể là một khóa học kéo dài vài giờ, một ngày, một tuần hoặc một vài năm). Bảng thiết kế tổng thể đó cho biết toàn bộ nội dung cần đào tạo, chỉ rõ ra những gì có thể trong đợi ở người học sau khóa học, nó phác họa ra qui trình cần thiết để thực hiện nội dung đào tạo, nó cũng cho biết các phương pháp đào tạo và các cách thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập, và tất cả các cái đó được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ”

Theo Tyler (1949), ông cho rằng: ”Chương trình đào tạo về cấu trúc phải có 4 phần cơ bản :

Mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương pháp hay quy trình đào tạo, cách đánh giá kết quả đào tạo.

CTĐT là bản thiết kế về hoạt động đào tạo trong đó phản ánh các yếu tố mục tiêu đào tạo, nội dung và phương pháp đào tạo; các kết quả đào tạo. Những yếu tố này được cấu trúc theo quy trình chặt chẽ về thời gian biểu.

CTĐT là sự cụ thể hóa của mục tiêu giáo dục và chỉ có thể thông qua CTĐT thì những “mô hình ý thức” của mục tiêu giáo dục mới được được hiện thức hóa (Ngự, 2001).

Như vậy, chương trình đào tạo là bản thiết kế chi tiết quá trình giảng dạy trong một khoá đào tạo phản ánh cụ thể mục tiêu, nội dung, cấu trúc, trình tự cách thức tổ chức thực

hiện và kiểm tra đánh giá các hoạt động giảng dạy cho toàn khoá đào tạo và cho từng môn học, phần học, chương, mục và bài giảng.

Chương trình đào tạo còn được hiểu là một văn bản quy định các mục tiêu cụ thể đặt ra đối với một ngành nghề đào tạo (mục tiêu), các khối kiến thức và các môn học, tổng thời lượng cùng thời lượng dành cho mỗi môn mà nhà trường tổ chức giảng dạy để trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết cho sinh viên theo học một ngành nghề nào đó (nội dung), trình tự cách thức tổ chức thực hiện (kế hoạch), các hình thức và phương pháp tổ chức thực hiện (phương pháp) và hình thức nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho một khóa đào tạo (kiểm tra, đánh giá).

1.1.2. Khung chương trình (curriculum framework)

Framework có nghĩa đen là *khung, sườn*. Việc xây dựng khung chương trình bao gồm việc nghiên cứu những cơ sở lý luận và thực tiễn để xác định mục đích, các mục tiêu, phương hướng, nguyên tắc xây dựng chương trình; tiếp đó là lập kế hoạch cụ thể (tỉ lệ các khối kiến thức, kỹ năng đào tạo, trình tự, phân bổ các môn học trong toàn khóa đào tạo).

Khung chương trình là văn bản nhà nước quy định khối lượng tối thiểu và cơ cấu kiến thức cho các CTĐT. Khung chương trình xác định sự khác biệt về chương trình tương ứng với các trình độ đào tạo khác nhau. Hiện nay ở Việt Nam khung chương trình được thay thế bằng Khung trình độ quốc gia (KTĐQG), qui định mục tiêu và khối lượng nội dung tối thiểu cho mỗi bậc giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

1.1.3. Chương trình khung

Chương trình khung là chương trình cơ bản của một ngành học hay nhóm ngành học hay một nghề do Hội đồng tư vấn chương trình của nhóm ngành và ngành, nghề xây dựng, được cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo phê duyệt.

Dựa trên chương trình khung, các trường/cơ sở đào tạo phát triển CTĐT cụ thể cho trường mình.

Căn cứ pháp lý của chương trình khung:

- Dựa vào quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật dạy nghề hoặc khung chương trình về mục tiêu, yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục của cấp học, bậc học tương ứng.

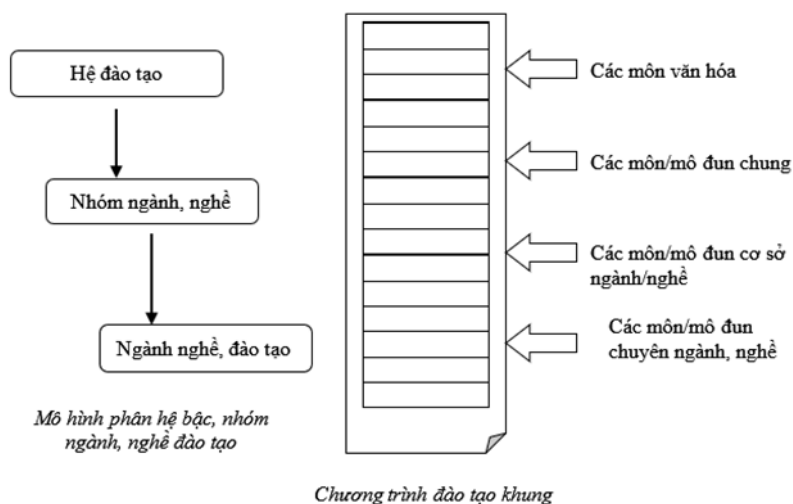
- Dựa vào kết quả phân tích nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng trong từng giai đoạn và “Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân”

Chương trình khung của một ngành/ngành hoặc nhóm ngành/ngành thường bao gồm các nội dung sau:

- (1) Mục tiêu tổng thể của ngành/ngành hoặc nhóm ngành/ngành đào tạo;
- (2) Cơ quan, vị trí, việc làm mà người tốt nghiệp có thể đảm nhận;
- (3) Kiến thức, kỹ năng, thái độ của người tốt nghiệp cần có để thực hiện tốt các chức năng này;
- (4) Thiết kế tổng thể của chương trình; bao gồm danh sách và thời lượng của các môn/mô đun học tập nên kiến thức chính và cơ bản của ngành/ngành;
- (5) Các khuyến nghị về phương pháp dạy/học;
- (6) Các hướng dẫn về quy trình đánh giá;

(7) Các hướng dẫn sử dụng chương trình khung để thiết kế CTĐT cụ thể (chương trình chi tiết).

Chương trình khung chính là danh sách các môn học, mô đun khung và giới hạn thời lượng, được thiết kế bao quát cho một ngành, nghề đào tạo cụ thể trong một nhà trường.



Hình 1.1 Mô hình Chương trình khung

Hiện nay ở Việt Nam chương trình khung trong giáo dục nghề nghiệp được thay thế bằng “Chuẩn đầu ra” là qui định khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp cho từng nghề đào tạo”

1.1.4. Chương trình môn học hay đề cương chương trình môn học/mô đun

Chương trình môn học/mô đun (chi tiết) là tài liệu do bộ môn/khoa biên soạn, gồm có các nội dung chủ yếu sau đây: thông tin chung về môn học/môn đun; mục tiêu tổng quát của môn học/mô đun; mục tiêu, nội dung chi tiết môn học/mô đun; hình thức tổ chức, và phương pháp dạy học; học liệu; hình thức, nội dung kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học.

Đề cương môn học/mô đun có nghĩa là tóm tắt, toát yếu chương trình môn học /mô đun (nói gọn những điểm cơ bản nhất). Đề cương môn học được xây dựng dựa trên hoặc song song với chương trình môn học trong CTĐT ngành/nhóm ngành/ngành đào tạo; do từng giảng viên xây dựng, thể hiện dấu ấn của từng giảng viên nhằm cung cấp cho người học trước khi giảng dạy môn học, gồm có các nội dung chủ yếu sau đây: thông tin chung về môn học, mục tiêu của môn học, đề mục nội dung, hình thức tổ chức dạy học, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học.

1.2. Các loại chương trình đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp

1.2.1. Chương trình đào tạo theo hệ thống môn học

(a) Môn học

Môn học là hệ thống (hoặc một bộ phận) tri thức về một lĩnh vực khoa học (bộ môn khoa học) được sắp xếp theo các yêu cầu sư phạm để truyền thụ cho người học. Môn học mang các đặc điểm:

a) Phản ánh các sự kiện, tri thức, quy luật của khoa học tương ứng phù hợp với mục đích, nhiệm vụ dạy học và khả năng nhận thức của học sinh.

b) Các câu hỏi, bài tập...giúp học sinh tự kiểm tra, luyện tập kĩ năng, kĩ xảo. Môn học còn có những yêu cầu phát triển năng lực hoạt động trí tuệ và giáo dục, logic của môn học không rập khuôn hoàn toàn theo logic khoa học tương ứng mà là sự thông nhất giữa logic khoa học và logic nhận thức chung của HS[28]; có nghĩa là nội dung khoa học được giảm tải phù hợp với trình độ của học sinh và mục tiêu của môn học.

Nói một cách ngắn gọn: Môn học là “bộ phận của chương trình giáo dục, gồm những tri thức về một khoa học nhất định”.

Môn học được xây dựng trên cơ sở bộ môn khoa học. Bộ môn khoa học thường gồm nhiều môn học có liên quan với nhau. Bộ môn khoa học là hệ thống lý thuyết hoàn chỉnh về đối tượng nghiên cứu, nó phản ánh về cơ bản nội dung của một khoa học, ví dụ tâm lý học sư phạm, vật liệu học, lý luận dạy học kỹ thuật... mà người học cần phải nắm vững để phát triển trí tuệ”.

(b) Thành phần cấu trúc của chương trình theo hệ thống môn học

Chương trình đào tạo bao gồm nhiều môn học được sắp xếp theo một kế hoạch. Thành phần chính của loại chương trình này gồm:

- Mục tiêu đào tạo theo trình độ đào tạo (trình bày dưới dạng tổng quát);
- Kế hoạch đào tạo;
- Chương trình các môn học (hay đề cương môn học): Chương trình môn học là một bộ phận của chương trình đào tạo, nó chứa đựng tất cả những lượng kiến thức chuyên môn của môn học. Thành phần chính là gồm đề mục nội dung cần dạy và được trình bày một cách có hệ thống logic.

Nội dung khoa học của một môn học được tích phân thành các phần tử theo quan hệ logic tuyến tính chặt chẽ, mà việc thực hiện phần tử trước là điều kiện để triển khai phần tử tiếp sau. Mỗi phần tử như vậy có thể được quy ước thực hiện trong một tiết học, một bài học. Hướng triển khai nội dung bài học có thể theo logic từ khái quát, chung → cụ thể, riêng; cũng có thể từ trường hợp riêng, cụ thể → khái quát, chung.

Đặc trưng của chương trình môn học/bài học là tính khuôn mẫu chặt chẽ về logic tuyến tính của nội dung các bài học trong môn học: Bài 1 → bài 2 → bài 3 → Mỗi bài là một hệ thống các tiết học: Tiết 1 → tiết 2 → ... Tương ứng với chương trình môn học, nội dung tài liệu học tập và giảng dạy cũng được cấu trúc theo logic chương bài, liên kết với nhau.

Thiết kế chương trình môn học/bài học phù hợp với các nội dung học tập, trong đó hệ thống tri thức khoa học có logic chặt chẽ, tường minh và là hệ thống phát triển. Loại chương trình theo cách này đang rất thông dụng trong dạy học. Tuy nhiên, loại chương trình này theo tiếp cận nội dung nên điểm yếu của nó là do qui định chính chi tiết trong chương trình là nội dung nên nó chưa phản ánh chi tiết đầu ra người học phải đạt được những gì.

Kiểu chương trình theo hệ thống môn học, gồm các môn chung, các môn văn hóa phổ thông, các môn học kỹ thuật cơ sở, phần lý thuyết chuyên môn, phần thực hành nghề được cấu trúc riêng biệt, chúng liên kết với nhau một cách tương đối độc lập.

1.2.2. Chương trình đào tạo theo hệ thống mô đun

(a) Mô đun

Trong dạy học, thuật ngữ mô đun được dùng để chỉ một đơn vị kiến thức hoặc một hệ thống kỹ năng (thực tiễn hay trí óc) vừa tương đối trọn vẹn và độc lập, vừa có thể kết hợp với kiến thức hoặc kỹ năng khác, tạo thành hệ thống trọn vẹn có quy mô lớn hơn. Những kiến thức hoặc/và kỹ năng này thường được thể hiện dưới dạng các việc làm của học sinh.

Mô-đun được hiểu là đơn vị học tập, được tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học nghề có năng lực thực hành trọn vẹn một lĩnh vực của một nghề.

Trong chương trình đào tạo theo mô đun, khái niệm môn học bị phá vỡ. Toàn bộ nội dung kiến thức khoa học đã tích hợp lý thuyết và thực hành, giúp người học nhanh chóng hình thành được các năng lực hoạt động nghề nghiệp. Chương trình được xây dựng trên các vấn đề có trính trọn vẹn của các mô đun. Trong trường hợp này, ranh giới giữa các lĩnh vực kiến thức và kỹ năng không còn nữa.

Nếu so sánh với loại chương trình theo hệ thống môn học, thì các kiến thức, kỹ năng, thái độ trong một mô đun được tích hợp từ nhiều môn học như hình sau:

	Môn 1	Môn 2	...	Môn n
Mô đun 1				
Mô đun 2				
....				
Mô đun i	↓	↓		↓

Hình 1.2. Nội dung các môn học trong mô đun đào tạo

Môđun là một đơn vị học tập trọn vẹn trong đó tổ hợp các kiến thức, kỹ năng liên quan cùng các chỉ dẫn, quy trình cụ thể để tạo ra một năng lực chuyên môn nhất định.

Môđun có tính độc lập tương đối và do đó tạo khả năng thiết kế các chương trình đào tạo mềm dẻo và có tính linh hoạt cao. Với quan điểm đào tạo theo năng lực thực hiện (Competency based training) mô đun có các đặc điểm sau:

1. Hướng vào mục tiêu thực hiện/thực hành tạo cho học viên có được khả năng, năng lực thực hiện các công việc của một lĩnh vực nghề nghiệp (hay năng lực hành nghề) sau khi hoàn thành modun tương ứng.

2. Bao quát trọn vẹn một vấn đề, thể hiện tính độc lập tương đối của từng mô đun trong chương trình đào tạo và giải quyết một vấn đề trong lao động nghề nghiệp

3. Tích hợp nội dung lý thuyết và thực hành trong một mô đun, giữa lý thuyết chuyên môn và thực hành nghề theo các công việc (task)

4. Mỗi bài dạy trong mô đun là một đơn nguyên hay tình huống dạy học cụ thể tương ứng với một công việc của nghề.

5. Có khả năng lắp ghép đa dạng và phát triển. Đáp ứng với nhu cầu thay đổi của kỹ thuật, công nghệ, tổ chức sản xuất và thị trường lao động do có khả năng lựa chọn hoặc thay đổi các mô đun thích ứng.

(b) Thành phần cấu trúc và đặc điểm của chương trình theo hệ thống mô đun

Chương trình theo hệ thống mô đun là loại chương trình gồm nhiều mô đun được sắp xếp thành một hệ thống logic. Chương trình theo mô đun là cách thiết kế hiện đại và phổ biến trong cho đào tạo ngắn hạn hiện nay, nhất là trong lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp.

Chương trình dạy học theo mô đun là hệ thống các mô đun được kết nối với nhau theo các hình thức nhất định, sao cho, khi hoàn thành các mô đun đó, người học đạt được một trình độ hoàn thành chương trình của mình. Thành phần chính của loại chương trình này gồm:

- Mục tiêu đào tạo theo trình độ đào tạo (trình bày dưới dạng tổng quát);
- Kế hoạch đào tạo;
- Sơ đồ và nội dung các mô đun đào tạo.

Đặc điểm của chương trình dạy học theo hệ thống mô đun

Thứ nhất: Các mô đun vừa có tính độc lập vừa có tính liên kết. Đây là đặc điểm nổi bật của mô đun, giúp cho chương trình dạy học có tính cơ động và khả năng ứng dụng rất cao, đặc biệt là các chương trình ngành học hay bậc học. Do đặc điểm này của mô đun nên chương trình dạy học theo mô đun bao giờ cũng là chương trình mở. Chương trình đào tạo theo nhịp độ người học. Thể hiện khả năng cá nhân hoá người học trong quá trình đào tạo. Người học có thể lựa chọn khối lượng, tốc độ học tập theo nguyện vọng và khả năng của mình

Thứ hai: Kích cỡ của mô đun. Kích cỡ (độ lớn) của mô đun tùy thuộc vào dung lượng kiến thức hoặc/và kỹ năng thành phần trong mô đun đó. Vì vậy, không có quy định cứng nhắc về kích cỡ cho mọi mô đun. Độ lớn của mỗi mô đun được thể hiện bởi thời lượng học tập của học viên: trong một tuần, một học kỳ, một năm ...vv. Độ lớn của mô đun không phải là số buổi lên lớp của giáo viên hay số lần tiếp xúc giữa giáo viên với học sinh mà là số lượng công việc trong lĩnh vực nghề (hay tình huống dạy học) học viên phải thực hiện tương ứng với đơn vị thời gian học tập được quy định.

Thứ ba: Cách kết nối mô đun trong chương trình: trong chương trình, các mô đun có thể được kết nối theo mạng không gian hoặc theo tuyến tính. Kết nối theo mạng không gian là trong khoảng thời gian cho phép, các học viên có thể thực hiện đồng thời một số mô đun, tùy theo khả năng và điều kiện của mình. Kết nối theo tuyến tính là học viên thực hiện từng mô đun trong khoảng thời gian cho phép.

Thứ tư: Việc đánh giá kết quả học tập. Mỗi mô đun phải được đánh giá riêng biệt độc lập. Đây là điểm khác so với chương trình truyền thống, ở đó việc đánh giá có thể được thể hiện khi học viên học xong toàn bộ chương trình.

Thứ năm: Tính lựa chọn. Trong một chương trình có nhiều dạng liên kết các mô đun, vì vậy, học viên có thể lựa chọn các mô đun để hoàn thành chương trình học tập theo quy định. Đây chính là ưu điểm lớn của chương trình theo mô đun. Nó cho phép học viên phát huy khả năng, tính độc lập và sự linh hoạt của mình theo các hoàn cảnh để đi đến mục tiêu

học tập. Điều cần lưu ý, tuy việc lựa chọn các mô đun là quyền của học sinh, nhưng phải tuân theo các nguyên tắc, được quy định trong chương trình.

Thứ sáu: Khả năng kết hợp, liên thông giữa các chương trình. Nếu trong các chương trình có một số mô đun giống nhau thì có thể sử dụng chung. Vì vậy, tạo ra khả năng liên kết, liên thông giữa các chương trình, cho phép học sinh cùng một lúc theo đuổi một số chương trình, trên cơ sở khai thác và sử dụng nguồn lực của mình.

Điểm mạnh và hạn chế của chương trình theo mô đun:

Điểm mạnh: Cấu trúc chương trình theo mô đun là một trong những cách tốt nhất để thể hiện quan điểm phát triển, quan điểm nhân văn trong dạy học. Vì nó đáp ứng được các yêu cầu về dạy học phát triển (nhu cầu và sở thích cá nhân được tôn trọng, các năng lực, tính độc lập và tự chủ, tự do của học viên được phát huy). Một điểm mạnh khác của chương trình theo mô đun là tạo cơ hội cho người học học thường xuyên, học suốt đời, theo nhu cầu và điều kiện của mình, trên cơ sở tích lũy được các mô đun trong những điều kiện thuận lợi (tích lũy tín chỉ).

Hạn chế: Hạn chế lớn nhất của chương trình theo mô đun là việc tổ chức học tập. Việc bố trí thời gian học tập và thời khóa biểu là công việc không đơn giản. Mặt khác, nếu việc học chủ yếu theo hình thức tích lũy tín chỉ (cấu trúc mô đun theo mạng) dễ dẫn đến thời gian học tập kéo dài, thiếu tính hệ thống, đôi khi dẫn đến lãng phí.

1.2.3. Chương trình đào tạo kết hợp môn học và mô đun

Thực chất của kiểu chương trình này là sự kết hợp giữa chương trình đào tạo theo môn học (kiểu truyền thống) và chương trình theo mô đun. Theo kiểu chương trình này, các môn chung và một số các môn cơ sở ngành/ngành là một thành phần của chương trình đào tạo kết hợp. Phần lý thuyết chuyên môn và thực hành nghề được tích hợp thành các mô đun.

Mối quan hệ giữa môn học và mô đun:

- Mô đun: hình thành năng lực thực hiện một nhiệm vụ nghề;
- Học phần các môn học: những kiến thức môn chung, kiến thức cơ sở có tính hệ thống hình thành các năng lực cơ bản và góp phần hình thành năng lực thực hiện nhiệm vụ nghề nghiệp.

Chương trình đào tạo kết hợp giữa môn học và mô đun có nhiều ưu điểm, do kết hợp được hai kiểu chương trình đào tạo. Với chương trình đào tạo kiểu này, sẽ tạo khả năng tốt để tổ chức quá trình đào tạo nghề một cách linh hoạt, năng động, giảm thiểu tối đa sự trùng lặp nội dung do có sự tích hợp giữa lý thuyết chuyên môn và thực hành nghề, đảm bảo khắc phục được những hạn chế của mỗi loại chương trình, nhằm đảm bảo tính hệ thống của nội dung khoa học điều đặc biệt là nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp.

2. Các tiếp cận trong phát triển chương trình đào tạo

2.1. Tiếp cận nội dung trong phát triển chương trình đào tạo

Trong thực tiễn, CTĐT là nơi phản ánh rõ quan điểm dạy học của tác giả thiết kế lên nó. Vì vậy, khi xây dựng cũng như phân tích, phê phán và kế thừa một CTĐT nào đó, yếu tố tiên quyết là phải xác định hướng tiếp cận trong việc xây dựng chương trình. Hướng tiếp cận quy định thành phần cấu trúc của toàn bộ hệ thống từ CTĐT đến các hoạt động dạy và học.

Trong lịch sử phát triển giáo dục, Có rất nhiều hướng tiếp cận trong việc thiết kế chương trình ĐT. Trong đó có ba hướng tiếp cận tương đối phổ biến trong việc xây dựng chương trình đào tạo: cách tiếp cận nội dung (content approach), cách tiếp cận mục tiêu (objective approach) và cách tiếp cận phát triển (development approach) (Lâm Quang Thiệp, 2006).

Trong tiếp cận nội dung, câu hỏi đặt ra là người học phải học cái gì?

Với quan niệm giáo dục là quá trình truyền thụ nội dung-kiến thức, chương trình đào tạo chú trọng hình thành hệ thống nội dung đào tạo và việc trang bị cho người học hệ thống tri thức, kỹ năng cơ bản. Chương trình dạy học liệt kê các nội dung kiến thức mà người học cần phải lĩnh hội. Nhiều người cho rằng, chương trình đào tạo chỉ là bản phác thảo liệt kê nội dung đào tạo. Với quan niệm này, giáo dục là quá trình truyền thụ nội dung – kiến thức. Đây là cách tiếp cận kinh điển trong xây dựng chương trình đào tạo, theo đó thành phần chính là nội dung kiến thức. Điều quan tâm trước tiên và quan trọng nhất khi xác định chương trình dạy học là khối lượng và chất lượng kiến thức, kỹ năng cần truyền thụ cho người học. Theo cách tiếp cận này, chương trình đào tạo chẳng khác gì bản mục lục của một cuốn sách giáo khoa. Phương pháp giảng dạy thích hợp với cách tiếp cận này phải nhằm mục tiêu truyền thụ được nhiều kiến thức nhất, người học thụ động nghe theo người dạy. Việc đánh giá kết quả học tập được hướng vào mức độ lĩnh hội tri thức của người học. Cách tiếp cận này đã bộc lộ khá nhiều hạn chế và lạc hậu trong dạy học hiện đại.

Theo cách tiếp cận này thì chương trình đào tạo chỉ chú trọng đến nội dung kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp là quá giản đơn, nó đã bỏ qua nhiều khía cạnh khác như các kỹ năng cốt lõi không kém phần quan trọng. Cách đánh giá kết quả học tập của cách tiếp cận này là xác định lượng kiến thức hoặc kỹ năng nghề mà người học hấp thụ được.

Trong khoa học giáo dục thì chương trình dạy học mang tính ”hàn lâm, kinh viện”. Đặc điểm cơ bản của chương trình giáo dục định hướng nội dung là chú trọng việc truyền thụ hệ thống tri thức khoa học theo các môn học đã được quy định trong chương trình dạy học. Những nội dung của các môn học này dựa trên các khoa học chuyên ngành tương ứng. Người ta chú trọng việc trang bị cho HS hệ thống tri thức khoa học khách quan về nhiều lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên chương trình giáo dục định hướng nội dung chưa chú trọng đầy đủ đến chủ thể người học cũng như đến khả năng ứng dụng tri thức đã học trong những tình huống thực tiễn. Mục tiêu dạy học trong chương trình định hướng nội dung được đưa ra một cách chung chung, không chi tiết và không nhất thiết phải quan sát, đánh giá được một cách cụ thể nên không đảm bảo rõ ràng về việc đạt được chất lượng dạy học theo mục tiêu đã đề ra. Việc quản lý chất lượng giáo dục ở đây tập trung vào ”điều khiển đầu vào” là nội dung dạy học. Ưu điểm của chương trình dạy học định hướng nội dung là việc truyền thụ cho HS một hệ thống tri thức khoa học và hệ thống. Chương trình dạy học định hướng nội dung dẫn đến xu hướng việc kiểm tra đánh giá chủ yếu dựa trên việc kiểm tra khả năng tái hiện tri thức mà không định hướng vào khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn.

Nhược điểm của cách tiếp cận này là tính cập nhật kém, không gắn liền được nhu cầu của thị trường lao động. Do vậy, người học ra trường khó có thể đáp ứng ngay được với công việc mà người sử dụng lao động đòi hỏi, mà thường phải đào tạo lại.

Chính vì những lí do trên mà phương pháp tiếp cận này ngày nay bị đánh giá là lạc hậu. Nhiều quốc gia và các trường học trên thế giới không dùng để xây dựng chương trình đào tạo nữa.

Ưu điểm của chương trình (định hướng) tiếp cận nội dung là việc truyền thụ cho HS một hệ thống tri thức khoa học và hệ thống. Tuy nhiên ngày nay chương trình dạy học định hướng nội dung không còn thích hợp, trong đó có những nguyên nhân sau:

- Ngày nay, tri thức thay đổi và bị lạc hậu nhanh chóng, việc quy định cứng nhắc những nội dung chi tiết trong chương trình dạy học dẫn đến tình trạng nội dung chương trình dạy học nhanh bị lạc hậu so với tri thức hiện đại. Ngoài ra những tri thức tiếp thu trong nhà trường cũng nhanh bị lạc hậu. Do đó việc rèn luyện phương pháp học tập ngày càng có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn bị cho con người có khả năng học tập suốt đời.

- Chương trình dạy học định hướng nội dung dẫn đến xu hướng việc kiểm tra đánh giá chủ yếu dựa trên việc kiểm tra khả năng tái hiện tri thức mà không định hướng vào khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn.

- Do phương pháp dạy học mang tính thụ động và ít chú ý đến khả năng ứng dụng nên sản phẩm giáo dục là những con người mang tính thụ động, hạn chế khả năng sáng tạo và năng động. Do đó chương trình giáo dục này không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội và thị trường lao động đối với người lao động về năng lực hành động, khả năng sáng tạo và tính năng động.

2.2 Tiếp cận mục tiêu, chuẩn đầu ra trong phát triển chương trình đào tạo

Trong hệ thống văn bản về quản lí, xây dựng và phát triển CTĐT thường dùng thuật ngữ chuẩn đầu ra. *Chuẩn đầu ra* là sự cụ thể hóa mục tiêu của CTĐT. Chuẩn đầu ra cho người học tốt nghiệp các CTĐT mỗi bậc học của một cơ sở giáo dục (được gọi tắt là “Chuẩn đầu ra”) là quy định của cơ sở giáo dục về phẩm chất và năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo tương ứng. Chuẩn đầu ra thể hiện phẩm chất và năng lực của người tốt nghiệp các ngành đào tạo theo các tiêu chí cụ thể sau: (1) Kiến thức; (2) Kỹ năng; (3) Thái độ; (4) Vị trí, khả năng công tác và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp. Đối với môn học/mô đun cụ thể, chuẩn đầu ra chính là “chuẩn kiến thức, kỹ năng” của môn học, học phần hay mô đun trong giáo dục nghề nghiệp. Chuẩn đầu ra của môn học được xây dựng dựa trên mục tiêu hay chuẩn đầu ra của khóa đào tạo và phân tích điều kiện dạy học cụ thể.

Chương trình đào tạo được thiết kế theo tiếp cận mục tiêu hay đầu ra là chương trình mô tả mục tiêu hay chuẩn đầu ra một cách rõ ràng, cụ thể, có thể định lượng được để là cơ sở đánh giá. Thực chất của cách tiếp cận này là chương trình dựa trên mục tiêu để xây dựng chương trình dạy học. Hay nói cách khác là chương trình dạy học *qui định mục tiêu dạy học*. Theo cách tiếp cận này, người ta quan tâm tới những thay đổi được mong đợi về năng lực hành động thực tiễn, nhận thức và thái độ ở người học do quá trình dạy học mang lại, sau khi kết thúc chương trình học. Câu hỏi ở đây là đầu vào và đầu ra của QTDH là gì? Vì vậy, CTĐT phải thể hiện rõ mục tiêu dạy học dưới dạng đầu ra đã xác định trước của quá trình dạy học. Mục tiêu dạy học phải được xây dựng rõ ràng sao cho có thể định lượng được và dùng nó làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả của quá trình dạy học. Dựa vào mục

tiêu dạy học trong chương trình, người thực hiện chương trình có thể đề ra nội dung kiến thức, phương pháp giảng dạy cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra và phương pháp đánh giá thích hợp theo các mục tiêu dạy học. Mục tiêu dạy học cũng là chuẩn để đánh giá kết quả học tập. Với cách tiếp cận mục tiêu, người ta dễ dàng chuẩn hóa quy trình xây dựng chương trình và quy trình đào tạo theo một công nghệ.

Ưu điểm của chương trình theo cách tiếp cận mục tiêu:

1. Mục tiêu dạy học cụ thể và chi tiết thuận lợi cho việc đánh giá hiệu quả và chất lượng chương trình đào tạo.

2. Người học và người dạy biết rõ cần phải học và dạy như thế nào để đạt được mục tiêu.

3. Cho phép xác định các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học.

Đối với cách xây dựng chương trình theo cách tiếp cận mục tiêu, điều quan trọng đầu tiên là xác định rõ mục tiêu dạy học.

Bảng 1.1. So sánh đặc điểm của chương trình định hướng nội dung và chương trình định hướng mục tiêu

	Chương trình tiếp cận nội dung	Chương trình tiếp cận mục tiêu (chuẩn đầu ra)
Mục tiêu	Mục tiêu mô tả không chi tiết, không nhất thiết phải quan sát và đánh giá được	Mục tiêu là kết quả học tập được mô tả một cách chi tiết rõ ràng, có thể quan sát được; thể hiện mức độ tiến bộ của học sinh một cách liên tục.
Nội dung	Nội dung được qui định một cách chi tiết trong chương trình; nội dung được xác định dựa trên khoa học chuyên ngành, không gắn với thực tiễn	Chương trình qui định những nội dung chính, không qui định chi tiết. Lựa chọn những nội dung nhằm đạt được kết quả đầu ra đã qui định, gắn với tình huống thực tiễn.
Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Giáo viên là người truyền thụ tri thức, học sinh tiếp thu thụ động những tri thức đã được qui định. Hình thức tổ chức chủ yếu là lên lớp - toàn lớp trực diện.	Giáo viên chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ học sinh tự lực tích cực lĩnh hội tri thức. Chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp. Hình thức tổ chức đa dạng: seminar, nhóm, lên lớp...
Đánh giá kết quả học tập	Tiêu chí đánh giá được xây dựng chủ yếu dựa trên sự ghi nhớ và tái hiện nội dung đã học	Tiêu chí đánh giá dựa vào kết quả đầu ra, có tính đến sự tiến bộ trong quá trình học tập, chú trọng5kha3 năng vận dụng trong các tình huống thực tiễn.

Ưu điểm của chương trình dạy học định hướng đầu ra là tạo điều kiện quản lý chất lượng theo kết quả đầu ra đã quy định, nhấn mạnh năng lực vận dụng của HS. Tuy nhiên nếu vận dụng một cách thiên lệch, không chú ý đầy đủ đến nội dung dạy học thì có thể dẫn

đến các lỗ hổng tri thức cơ bản và tính hệ thống của tri thức. Ngoài ra chất lượng giáo dục không chỉ thể hiện ở kết quả đầu ra mà còn phụ thuộc quá trình thực hiện.

2.3. Chương trình theo tiếp cận phát triển (tiếp cận quá trình).

Theo cách tiếp cận này thì CTDH là quá trình trong đó dạy học thúc đẩy sự phát triển. Sự phát triển ở đây được hiểu là phát triển con người, phát triển một cách tối đa mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, giúp họ có khả năng làm chủ được bản thân trong các tình huống của cuộc đời. Theo cách tiếp cận này, mỗi quan tâm hàng đầu là phát triển sự hiểu biết ở người học, chứ không phải là sự truyền thụ những kiến thức đã được xác định trước hay đến việc thay đổi hành vi của người học sau khi học. Cách tiếp cận phát triển chú trọng vào việc dạy người **học cách học hơn** là vào việc truyền thụ kiến thức đơn thuần; chú trọng đến từng cá nhân người học hơn vào tập thể nói chung. Coi cá nhân **người học là một thực thể độc lập suy nghĩ** và phải giúp họ phát triển được **tính tự chủ** trong việc quyết định mọi hành động của mình. Chú trọng đến người học thực chất là chú trọng đến nhu cầu và hứng thú của người học. Vì vậy, CTĐT phải đáp ứng được tối đa nhu cầu và hứng thú học tập của người học. Do cách tiếp cận này chú trọng nhiều đến khía cạnh nhân văn của chương trình đào tạo, nên còn gọi là tiếp cận nhân văn.

Cách tiếp cận phát triển khác hoàn toàn cách tiếp cận nội dung hay tiếp cận mục tiêu ở chỗ, nó chú ý đến tính chủ động, đến sự phát triển nhân cách của người học. Điều này dẫn đến thay đổi căn bản quan hệ giữa người dạy và người học; thay đổi vị thế của người học trong quá trình dạy học. Ở đây, người thầy không còn quyết định một cách độc đoán mọi vấn đề trong dạy học mà đóng vai trò cố vấn, cung cấp thông tin, hướng dẫn người học tìm kiếm và xử lý thông tin, giải quyết vấn đề. Người học luôn luôn được khuyến khích tìm kiếm các giải pháp cho một vấn đề và được tạo cơ hội điều chỉnh việc rèn luyện nhận thức, tình cảm và hành vi. Nhìn chung, cách tiếp cận này đề cao vấn đề nhân cách, giá trị của người học – vấn đề cốt lõi của dạy học hiện đại – học để làm người.

Trên đây là ba hướng tiếp cận CTDH phổ biến hiện nay. Mỗi cách tiếp cận có ưu điểm và hạn chế riêng. Vì vậy, tùy thuộc vào quan điểm của người dạy về mục đích dạy học để có cách tiếp cận phù hợp.

3. Xu hướng, đặc điểm chung của chương trình đào tạo hiện đại

3.1. Chuyển từ “định hướng nội dung kiến thức” sang “định hướng đầu ra- hay năng lực”

Chương trình truyền thống (trước năm 1950) thường quan niệm: giáo dục là quá trình truyền thụ kiến thức, kinh nghiệm của các thế hệ trước cho thế hệ trẻ. Điều quan tâm trước hết và quan trọng hơn cả trong xây dựng chương trình là khối lượng, độ sâu sắc, tính hệ thống, mức độ khái quát hóa của kiến thức cần truyền thụ. Các nhân vật quyết định việc xây dựng chương trình là các nhà khoa học bộ môn; điểm tựa chính cho chương trình là các khoa học tương ứng. Đương nhiên, chương trình cũng tuyên bố cho các mục tiêu giáo dục khác, nhưng trong thực tế khi triển khai chương trình là chỉ tập trung chủ yếu ở việc truyền thụ kiến thức và kiểm tra, đánh giá việc nắm vững kiến thức. Mô hình chương trình này đã tồn tại hàng nghìn năm, định hình nên nhiều giá trị lịch sử nhưng dần dần đã bộc lộ ra những điều bất cập: hiện tượng quá tải về kiến thức, giảng dạy theo lối truyền thụ một

chiều, hạn chế tính năng động tự chủ, sáng tạo của người học, kiến thức nặng về lý thuyết, chú trọng tính hàn lâm, không đáp ứng nhu cầu, các tình huống sống và làm việc của người học.

Khoảng 10 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước tư bản chủ nghĩa ở châu Âu và Bắc Mỹ bước vào thời kì phát triển về kinh tế, khoa học – công nghệ. Trong bối cảnh đó, người ta hết sức không hài lòng về nền giáo dục của mình. Mong muốn cải tổ triệt để nền giáo dục càng trở nên quyết liệt hơn sau sự kiện ngày 04/10/1957, ngày Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân đạo đầu tiên vào vũ trụ. Để tránh nguy cơ tụt hậu trước Liên Xô, các Chính phủ phương tây quyết định tiến hành cách mạng giáo dục, trước hết là cải cách chương trình. Trào lưu cải cách chương trình trước hết xuất phát từ quan niệm: thay vì chú trọng truyền thụ kiến thức, cần quan tâm đặc biệt đến phát triển năng lực của người học, tạo cho người học có khả năng tự chiếm lĩnh tri thức, có thể tự phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.

Tiếp cận năng lực được hình thành và phát triển rộng khắp tại Mỹ vào những năm 1970 trong phong trào đào tạo và giáo dục các nhà giáo dục và đào tạo nghề dựa trên việc thực hiện nhiệm vụ, các tiếp cận về năng lực đã phát triển một cách mạnh mẽ trên một nấc thang mới trong những năm 1990 với hàng loạt các tổ chức có tầm cỡ quốc gia ở Mỹ, Anh, Úc, New Zealand, xứ Wales, v.v... (Kerka, 2001).

Các tiêu chuẩn năng lực được thúc đẩy và khuyến khích bởi những áp lực chính trị như là cách thức để chuẩn bị lực lượng lao động cho nền kinh tế cạnh tranh toàn cầu. Sở dĩ có sự phát triển mạnh mẽ này là do rất nhiều học giả và các nhà thực hành phát triển nguồn nhân lực xem tiếp cận này là cách thức có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất, được ủng hộ mạnh mẽ nhất để cân bằng giáo dục, đào tạo và những đòi hỏi tại nơi làm việc và là “cách thức để chuẩn bị lực lượng lao động cho một nền kinh tế cạnh tranh toàn cầu” (Kerka, 2001), và “một câu trả lời mạnh mẽ đối với các vấn đề mà các tổ chức và cá nhân đang phải đối mặt trong thế kỷ thứ 21 (McLagan, 1997).

Khi tổng kết các lý thuyết về các tiếp cận định hướng năng lực trong giáo dục, đào tạo và phát triển, Paprock (1996) (1996) đã chỉ ra năm đặc tính cơ bản của tiếp cận này:

1. Tiếp cận năng lực dựa trên triết lý người học là trung tâm,
2. Tiếp cận năng lực thực hiện việc đáp ứng các đòi hỏi của chính sách,
3. Tiếp cận năng lực là định hướng cuộc sống thật,
4. Tiếp cận năng lực là rất linh hoạt và năng động, và
5. Những tiêu chuẩn của năng lực được hình thành một cách rõ ràng.

Những đặc tính cơ bản này dẫn tới những ưu thế của tiếp cận dựa trên năng lực là (Paprock, 1997; Kerka, 2001):

1. Tiếp cận năng lực cho phép cá nhân hóa việc học: trên cơ sở mô hình năng lực, người học sẽ bổ sung những thiếu hụt của cá nhân để thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của mình.
2. Tiếp cận năng lực chú trọng vào kết quả (outcomes) đầu ra.
3. Tiếp cận năng lực tạo ra những linh hoạt trong việc đạt tới những kết quả đầu ra: theo những cách thức riêng phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của cá nhân.